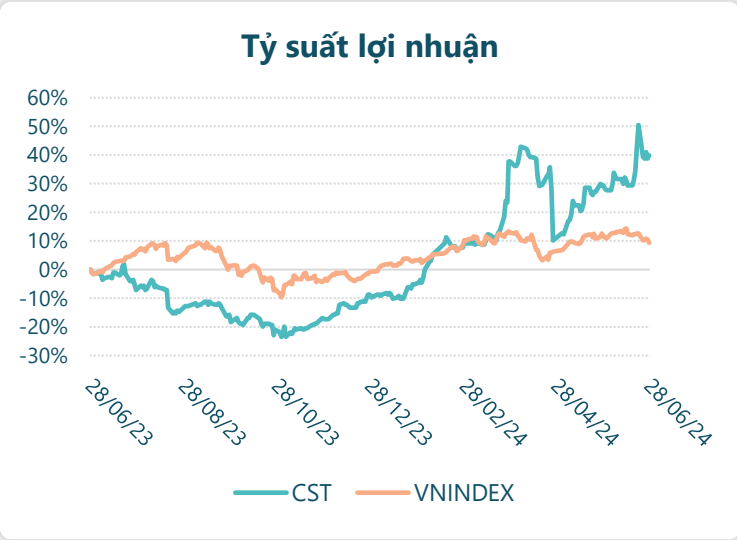


Ngày	25,200 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.6%	1.6%	57.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,785 - 27,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,080
Số lượng CPLH (CP)	42,846,773
KLGD BQ 20 phiên (CP)	124,135
Sở hữu nước ngoài	6.1%
Beta	1.52
EPS	9,027
P/E	2.8



Doanh thu thuần
Q2/24

2,619

tỷ VNĐ

QoQ: ▼345 | -11.7%

YoY: ▲ 829 | 46.3%

Nợ/VCSH
Q2/24

211%

YoY: +/-▲ 31.2%

LN gộp
Q2/24

148

tỷ VNĐ

QoQ: ▼19.0 | -11.1%

YoY: ▲ 89.4 | 153%

ROE (TTM)
Q2/24

38.6%

YoY: +/-▲ 12.1%

LN trước thuế
Q2/24

102

tỷ VNĐ

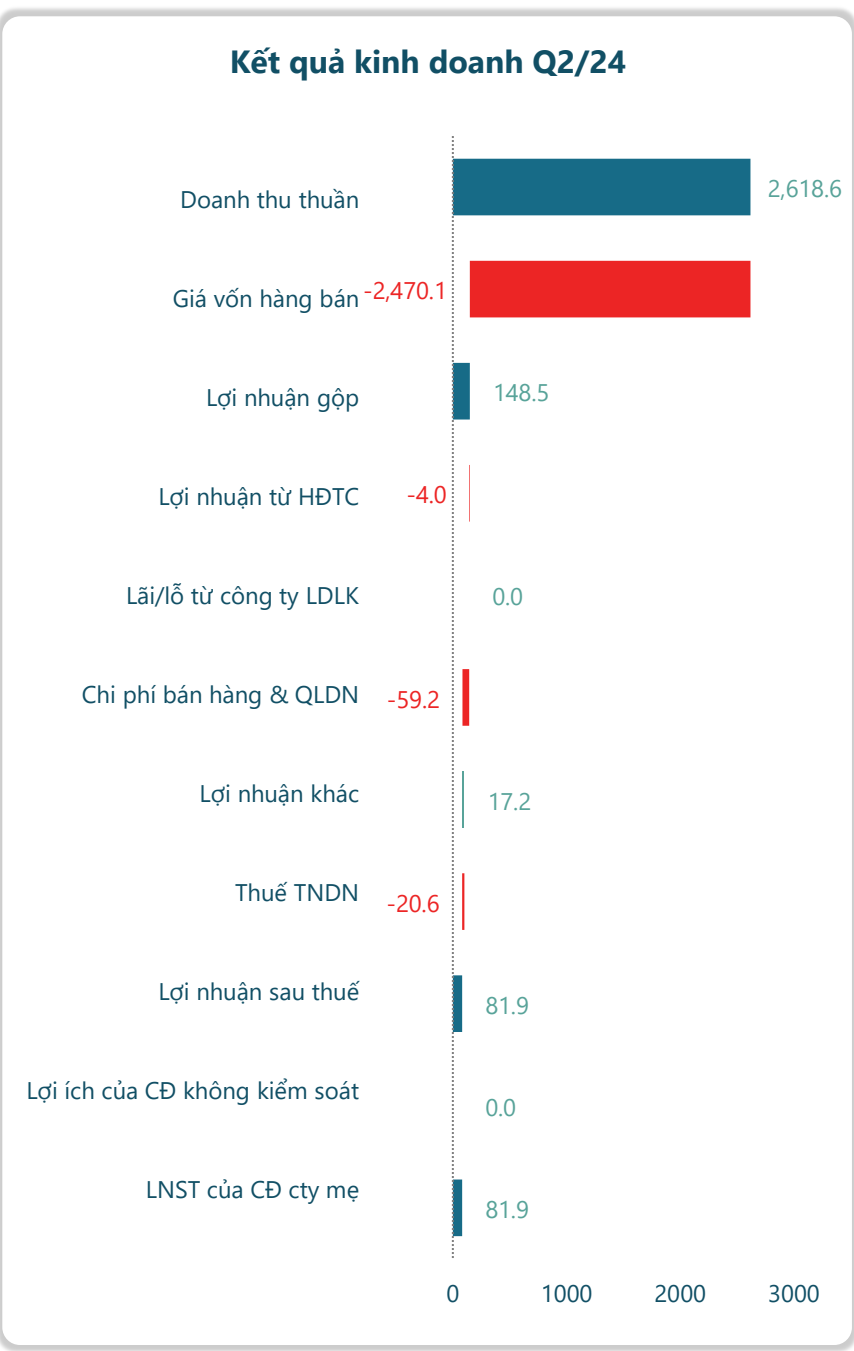
QoQ: ▼16.0 | -13.1%

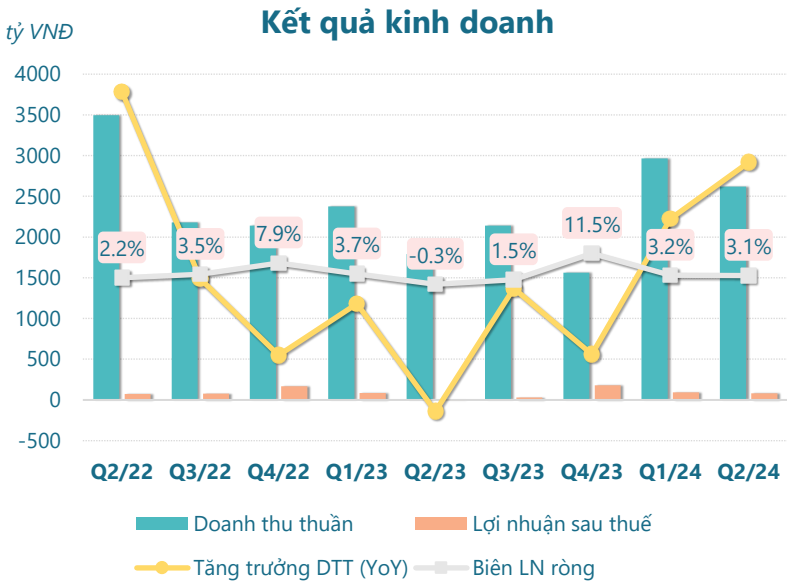
YoY: ▲ 108 | 1828%

ROA (TTM)
Q2/24

12.5%

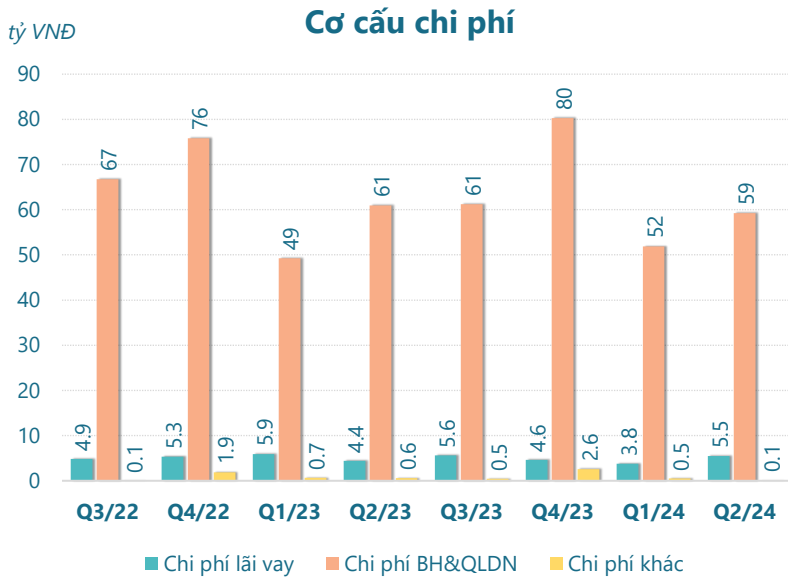
YoY: +/-▲ 2.8%





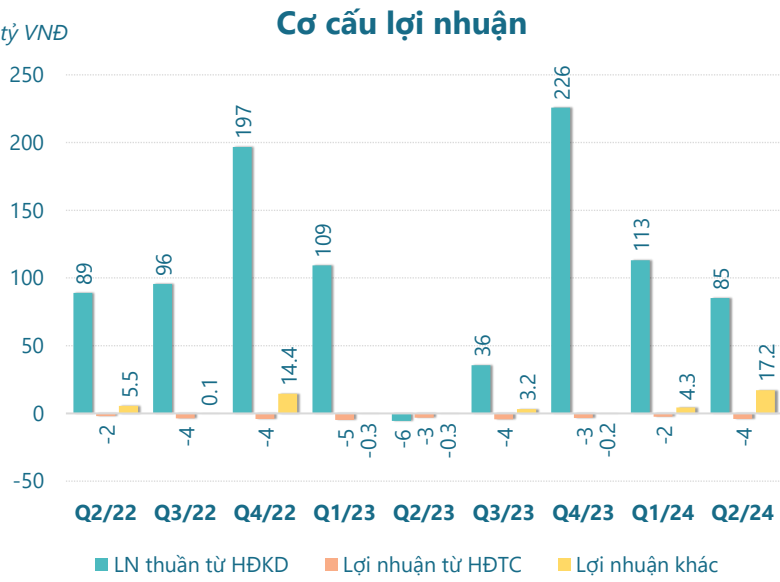
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 85.26 tỷ đồng**, giảm đi 24.7% so với kỳ trước và tăng thêm 90.84 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 4.02 tỷ đồng** giảm đi 1.60 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.81 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 17.23 tỷ đồng**, tăng thêm 297% so với kỳ trước và tăng thêm 17.58 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **CST** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **2,619 tỷ đồng** tăng thêm **46.3%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 81.91 tỷ đồng**, **tăng thêm 86.81 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **5,583 tỷ đồng** cao hơn 34.0% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 176.0 tỷ đồng** cao hơn 115% so với cùng kỳ năm trước.



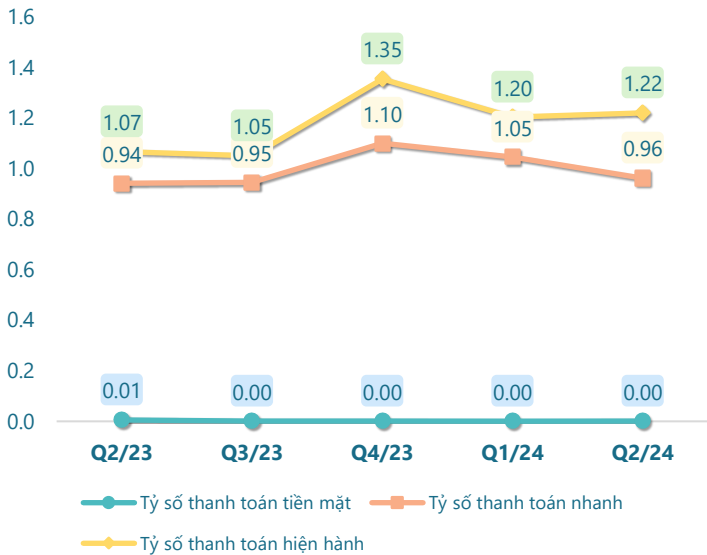
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **5.49 tỷ đồng** tăng thêm 44.9% so với kỳ trước và cao hơn 24.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **59.21 tỷ đồng** tăng thêm 14.2% so với kỳ trước và thấp hơn 2.87% so với cùng kỳ năm trước.

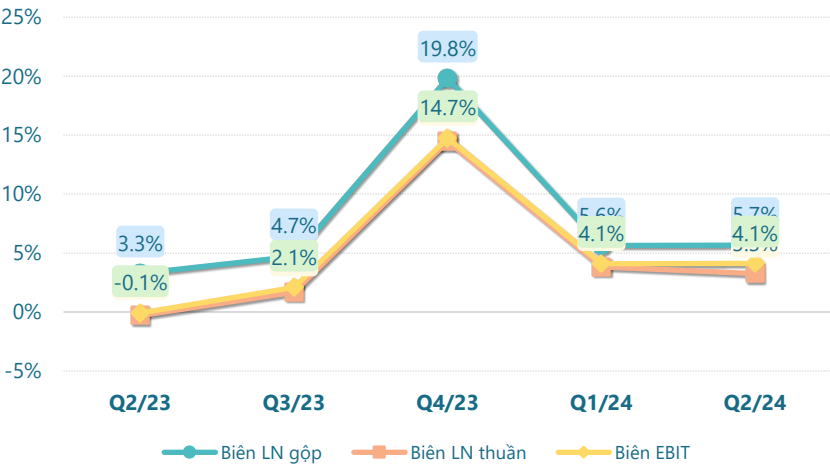
Chi phí khác bằng **0.09 tỷ đồng** giảm đi 82.0% so với kỳ trước và thấp hơn 85.0% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,619	2,964	-11.7%	1,790	46.3%	5,583	4,167	34.0%
Giá vốn hàng bán	2,470	2,797	-11.7%	1,731	42.7%	5,267	3,945	33.5%
Lợi nhuận gộp	148	167	-11.1%	58.6	153%	316	222	42.4%
Doanh thu HĐTC	1.47	1.37	7.3%	1.20	22.5%	2.84	2.36	20.6%
Chi phí TC	5.49	3.79	44.8%	4.41	24.4%	9.28	10.3	-9.9%
Chi phí lãi vay	5.49	3.79	44.8%	4.41	24.4%	9.28	10.3	-9.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.68	1.43	17.8%	1.36	23.8%	3.12	2.85	9.5%
Chi phí QLDN	57.5	50.4	14.1%	59.6	-3.5%	108	107	0.6%
LN thuần từ HĐKD	85.3	113	-24.6%	-5.58	1628%	198	104	91.3%
Lợi nhuận khác	17.2	4.34	297%	-0.35	5022%	21.6	-0.65	3442%
LN trước thuế	102	118	-13.1%	-5.93	1828%	220	103	113%
Lợi nhuận sau thuế	81.9	94.0	-12.9%	-4.90	1772%	176	82.2	114%
LNST của CĐ cty mẹ	81.9	94.0	-12.9%	-4.90	1772%	176	82.2	114%

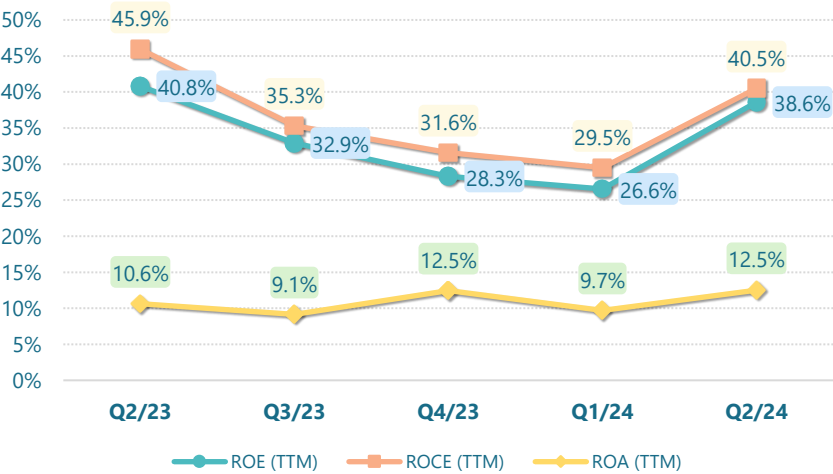
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

